

CỤC THUẾ
Department of Taxation
Thuế tỉnh, thành phố
..... Tax Office

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Số (No.):

....., ngày (day)tháng (month)năm (year)

GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM
ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LÃI CỔ PHẦN, LÃI TIỀN CHO VAY,
TIỀN BẢN QUYỀN HOẶC PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
CERTIFICATE OF TAX PAID ON DIVIDEND, INTEREST, ROYALTY OR
TECHNICAL FEE

Thuế tỉnh, thành phốxác nhận đã thu (và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của người nộp thuế dưới đây đối với thu nhập từ:

The Tax Office certifies that it has received (and/or granted the exemption, the reduction of) the income tax amount from (to) the following taxpayer in respect of income on:

Tiền lãi cổ phần ☐ Lãi tiền cho vay ☐ Tiền bản quyền ☐ Phí dịch vụ kỹ thuật ☐
Dividend Interest Royalty Technical fee

Đối tượng thực hưởng (beneficial owner)

Tên

(Name):.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc định danh cá nhân/hộ chiếu):.....

Tax identification number (or Personal Identification/passport)

Đối tượng được uỷ quyền nhận thu nhập (trong trường hợp không phải là đối tượng thực hưởng)

Designated person as beneficiary (other than the beneficial owner)

Tên (Name):.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc định danh cá nhân /hộ chiếu):.....

Tax identification number (or Personal Identification/passport)

Đối tượng trả thu nhập (Income payer)

Tên (Name):.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc định danh cá nhân /hộ chiếu):.....

Tax identification number (or Personal Identification/passport)

Lý do chi trả thu nhập (*reason for which the payment is made*):

.....

.....

.....

.....

Thu nhập chịu thuế <i>Taxable income</i>	Số thuế phải nộp <i>Tax payable</i>			Số thuế đã nộp* <i>Tax paid</i>	Ngày nộp <i>Due date</i>
	Tổng số thuế phải nộp <i>Total of tax payable</i>	Số thuế thực phải nộp <i>Actual tax due</i>	Số thuế được miễn giảm <i>Exempted or reduced amount of tax</i>		

* Số thuế đã nộp bằng chữ (*Tax paid amount in words*):

.....

TRƯỞNG THUẾ TỈNH, THÀNH PHỐ

Manager of Tax Office

(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu/Ký điện tử) – (*Signature,
full name, and seal/Digital signature*)